

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 10/03/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD1+TD5+VSP02	7:25	11+0+0	0+0+0		1+7+14	0+0+0	
2		CTK3+P1+RP1	7:25	21+1+0	0+0+0		18+2+2	0+0+0	
3		HSD+P8+PPD	7:25	2+0+18	0+0+0		2+1+19	0+0+0	Đã PPP-P8-HSD
4		T.UNG+RC6	8:00	17+0	0+0		15+4	0+0	
5		HST+AMD+P4	9:25	4+12+3	0+0+0		3+10+9	0+0+0	
6		TD2+BK10+PPD	9:25	11+5+6	0+0+0		2+0+19	0+0+0	
7		BK15+CTK3+GTC1	9:25	5+17+0	0+0+0		2+14+4	0+0+0	
8		TGTH1+TGTH4+AMD	11:25	4+3+3	0+0+0		4+3+12	0+0+0	
9		TD3+BK9+TD1	11:25	9+7+0	0+0+0		3+5+11	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
Đi về trong ngày Tđl-4ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/03/2023	TO: TD1 - TD5 - VSP02	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: VThắng - MTHAO -	ETA: 09:10
XANH-1		PTUÂN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ VĂN TOÀN	TD1					75	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN QUANG VINH	TD1					104	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN NGỌC QUYẾT	TD1	48	1	3		76	NIPI	Vietnamese
4	BAGRAMOVA	TD1	47	1	2		52	NIPI	Russian
5	NGUYỄN NAM THAI	TD1	50	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ ANH TUÂN	TD1	46	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN CỎ	TD1	49	1	5		51	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ THANH HÀ	TD1	51	1	3	35	78	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT LONG	TD1	52	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM NGỌC NINH	TD1	53	1	5		78	PSV	Vietnamese
11	ĐOÀN THANH TRƯỞNG	TD1	54	1	5		50	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	11	9	39	782	35	1		
2	TD5	0	0	0	0	0	7		
3	VSP02	0	0	0	0	90	14		
TOTAL		11	9	39	782	125	22		
WEIGHT KG				39	782	125			

GRAND TOAL: 946 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: CTK3 - P1 - RP1	CREW: LTuấn - Linh - Huy	ETA: 09:15
cam-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TRỌNG HIỀN	CTK3	56	1	3		66	HVJOC	Vietnamese
2	ĐOÀN QUANG CHUNG	CTK3	08	1	5	20	72	KH-THAC	Vietnamese
3	CAO VĂN ĐẬU	CTK3	13	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC HÙNG	CTK3	21	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	VŨ XUÂN TRỰC	CTK3	53	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN DUY ANH	CTK3	11-12	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐÀO THẾ HÙNG	CTK3	57	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI TIẾN DŨNG	CTK3	47	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐINH NHỎ HOÀNG	CTK3	53-54	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THIỆN TOÀN	CTK3	09	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TÚ THẮNG	CTK3	14	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN PHONG	CTK3					72	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ VĂN TRI	CTK3	16	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN NGỌC TRI	CTK3	48	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	TRẦN NGỌC HIỆP	CTK3	10	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM NGỌC CHIẾN	CTK3	04	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN HOÀNG TUNG	CTK3	22-23	2	12		88	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐOÀN QUANG TUẤN	CTK3	49-50	2	5		63	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN NAM	CTK3	20	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐÀO ĐỨC THẮNG	CTK3	40	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN PHÚC PHƯỢNG	CTK3	55	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
22	TRẦN KIM CƯỜNG	P1	94	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	21	24	125	1.469	20	18		
2	P1	1	1	5	65	0	2		
3	RP1	0	0	0	0	60	2		
TOTAL		22	25	130	1.534	80	22		
WEIGHT KG				130	1.534	80			

GRAND TOAL: 1.744 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/03/2023	TO: PPD - P8 - HSD	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: CHIẾN - N.ANH - Thành	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGÔ ĐỨC VŨNG	PPD				8	65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH THẮNG	PPD	33	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN VĂN THẮNG	PPD	34	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN DANH TUẤN	PPD	32	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐOÀN VĂN THUẬN	PPD	25	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
6	HUYNH BA NINH	PPD	28	1	2		57	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HUY HOANG	PPD					90	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN THANH NAM	PPD	26-27	2	12		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC CÚ	PPD	35	1	3		61	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG NHẬT QUANG	PPD					72	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH TRUNG	PPD					70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN VĂN VINH	PPD	30	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG KHÔI	PPD	24	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
14	TÔ QUANG HUY	PPD					66	KH-THAC	Vietnamese
15	NGÔ SÁCH ĐỨC	PPD	31	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ SỸ KHOA	PPD					74	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ XUÂN MINH	PPD	29	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC ANH TUẤN	PPD	23	1	3		73	P.KTSX VSI	Vietnamese
19	LÊ TUẤN ANH	PPD	21	1	5		71	P.KTSX XNI	Vietnamese
20	LÊ KHANH HUY	PPD	22	1	3		80	P.NCCLDKK	Vietnamese
21	NGUYỄN BA QUÂN	HSD	42-43	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐOÀN THANH MAI	HSD	59	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	20	15	63	1.388	8	19		
2	P8	0	0	0	0	0	1		
3	HSD	2	3	14	140	0	2		
TOTAL		22	18	77	1.528	8	22		
WEIGHT KG				77	1.528	8			

GRAND TOAL: 1.613 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 614	ETD: 08:00
FLIGHT: 4	TO: T.UNG - RC6	CREW: CÔNG - HHai	ETA: 11:10
TRANG-1			

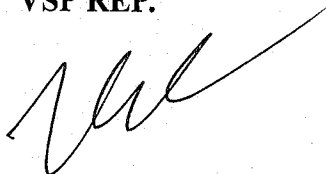
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUONG CONG DAT	T.UNG	46-47	2	11		72	YTE	Vietnamese
2	NGUYEN DUC BINH	T.UNG					66	PVEP ITC	Vietnamese
3	NGUYEN NGOC HIEU	T.UNG	37	1	7		68	PVEP ITC	Vietnamese
4	ZELENSKII A.I	T.UNG	40	1	12		81	KH-THAC	Russian
5	PHAM HONG SON	T.UNG	43	1	5	5	75	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN VIET TUNG	T.UNG					75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN TRUNG DUONG	T.UNG	35	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
8	VU DUY DUNG	T.UNG	44	1	9	15	73	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN THANH NAM	T.UNG	45	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
10	KIEU XUAN TAM	T.UNG	38	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM VAN THI	T.UNG					75	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐANG DINH THANG	T.UNG	41	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN THANH HAI	T.UNG	42	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN QUANG HOA	T.UNG					76	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM TRAN THANH PHUC	T.UNG	36	1	6		86	PSV	Vietnamese
16	ĐONG XUAN THAI	T.UNG	39	1	6		74	PSV	Vietnamese
17	TRAN QUANG PHU	T.UNG	50-51	2	10		60	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

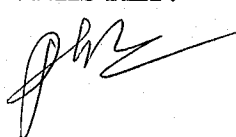
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	T.UNG	17	15	91	1.254	20	15		
2	RC6	0	0	0	0	30	4		
TOTAL		17	15	91	1.254	50	19		
WEIGHT KG				91	1.254	50			

GRAND TOAL: 1.395 KGS

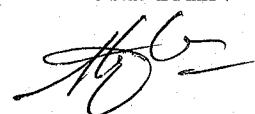
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 5	TO: HST - AMD - P4	CREW: XHOÀN - Dương - Toan	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN THANG	HST	92	1	7		71	TLJOC	Vietnamese
2	BUI MINH DUNG	HST	93-94	2	19		90	TLJOC	Vietnamese
3	LÊ VĂN PHẠNG	HST	91	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
4	VÔ TRUNG HIỆU	HST	89-90	2	12		78	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN NAM TRUNG	AMD	10	1	5		75	HLJOC	Vietnamese
6	NGUYỄN ANH DUY	AMD	04	1	8		57	KH-THAC	Vietnamese
7	TRỊNH VĂN PHA	AMD	11	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN HIỆU THẢO	AMD	12	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN QUANG LONG	AMD	08	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
10	YA LỘC	AMD	17-18	2	13		74	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐOÀN VĂN DỪNG	AMD	16	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH TÂN	AMD	09	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI SỸ QUYỀN	AMD	05	1	10	30	67	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ VIỆT THẮNG	AMD	06-07	2	13		66	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM TUẤN ANH	AMD	13-15	3	10		69	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐOÀN HỒNG DƯƠNG	AMD	19	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN SY	P4	72	1	7		56	NAMTIEN	Vietnamese
18	TRAN NGUYEN DAN	P4	73-74	2	10		53	NAMTIEN	Vietnamese
19	DANG TRONG DAT	P4	71	1	10		69	NAMTIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HST	4	6	44	303	0	3		
2	AMD	12	16	96	823	30	10		
3	P4	3	4	27	178	0	9		
TOTAL		19	26	167	1.304	30	22		
WEIGHT KG				167	1.304	30			

GRAND TOAL: 1.501 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/03/2023	TO: TD2 - BK10 - PPD	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:45
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: LTuấn - Linh - Huy	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DƯƠNG QUỐC VIỆT	TD2	89	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
2	TRẦN TRỊNH QUỐC VƯƠNG	TD2	92	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
3	NGO VAN SON	TD2	90-91	2	12		81	KHOAN	Vietnamese
4	MAI THE HIEN	TD2	93	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
5	ĐINH CHI CÔNG	TD2	88	1	18		65	KHOAN	Vietnamese
6	LÊ HỮU HAU	TD2	94	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN DUY DUƠNG	TD2	86-87	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ VĂN LAM	TD2	97-98	2	19		75	XAYLAP	Vietnamese
9	BUI VAN PHUONG	TD2	96	1	7		60	SINHHUNG	Vietnamese
10	BUI VAN HA	TD2	95	1	8		65	SINHHUNG	Vietnamese
11	HO PHUONG NAM	TD2	99	1	6		76	SINHHUNG	Vietnamese
12	TRẦN VĂN NGHIA	BK10	63	1	15		85	DVL	Vietnamese
13	ĐẶNG TRỌNG THỨC	BK10	64	1	10		75	DVL	Vietnamese
14	MUINHUCHKIN V.V.	BK10	62	1	15		92	DVL	Russian
15	NGUYỄN VÕ ĐÌNH DUY	BK10	66-67	2	19		76	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN NGỌC	BK10	65	1	7		65	DVL	Vietnamese
17	NHÂM ĐIỆN BIÊN	PPD	15-16	2	12		70	P. CAM NIP	Vietnamese
18	NGUYỄN THỊ HẠNG	PPD	17	1	7		58	P. CAM NIP	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH DÙNG	PPD	26-27	2	16	25	70	VPI	Vietnamese
20	LÊ THAI SƠN	PPD	28	1	8		82	VPI	Vietnamese
21	BIỆN VĂN TRĂNG	PPD	29	1	5		70	KHI	Vietnamese
22	TRỊNH VĂN THANH	PPD	18-19	2	17		80	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	11	14	124	777	0	2		
2	BK10	5	6	66	393	0	0		
3	PPD	6	9	65	430	25	19		
TOTAL		22	29	255	1.600	25	21		
WEIGHT KG				255	1.600	25			

GRAND TOAL: 1.880 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 7	TO: BK15 - CTK3 - GTC1	CREW: CHIẾN - N.ANH - Thành	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN TRỌNG TƯỜNG	BK15	45-46	2	15	25	85	KH-THAC	Vietnamese
2	HÀ QUANG TRUNG	BK15	42	1	10	15	52	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ HỒNG CUONG	BK15	43	1	10	15	72	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN MINH TUẤN	BK15	48	1	8		64	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN CUÔNG	BK15	53	1	5		59	PSV	Vietnamese
6	BUI VĂN BẠC	CTK3	48	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN VIỆT TIẾN	CTK3	35-36	2	15		66	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN VĂN CHUYỀN	CTK3	27	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HIẾU TRUNG	CTK3	37	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN MẠNH HÙNG	CTK3	26	1	16		65	KH-THAC	Vietnamese
11	HOÀNG VIỆT HÙNG	CTK3	34	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ TRỌNG NGHĨA	CTK3	39	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐÌNH QUANG HOÀN	CTK3					70	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUANG CHUÔNG	CTK3	24	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM BÁ HOÀNG	CTK3	42-43,50	3	19		70	KH-THAC	Vietnamese
16	CHU VĂN HAY	CTK3	30	1	10		80	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ VĂN THÔNG	CTK3	47	1	12		71	XAYLAP	Vietnamese
18	NGÔ ĐÌNH NHẬT MINH	CTK3	38	1	12		88	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN QUANG TRUNG	CTK3	45-46	2	10		70	XAYLAP	Vietnamese
20	ĐỖ NHẬT QUI	CTK3	44	1	9		64	XAYLAP	Vietnamese
21	LƯU VĂN ĐIỆP	CTK3	43	1	10		70	NIPi	Vietnamese
22	TRỊNH QUANG HUY	CTK3	25	1	7		70	NIPi	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK15	5	6	48	332	55	2		
2	CTK3	17	20	154	1.165	0	14		
3	GTC1	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	26	202	1.497	55	20		
WEIGHT KG				202	1.497	55			

GRAND TOAL: 1.754 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 10/03/2023	TO: TGTH1 - TGTH4 - AMD	AIRCRAFT: 614	ETD: 11:45
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: - HHai - Trinh	ETA: 13:30
TRANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN DUY LAM	TGTH1	61	1	10		65	HLJOC	Vietnamese
2	PHAM TAN ANH ĐỨC	TGTH1	59	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
3	THAI THANH THẢO	TGTH1	60	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN NGHIA	TGTH1	62-63	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHUNG MINH HAI	TGTH4	03	1	8		74	HLJOC	Vietnamese
6	PHAN THANH NGOAN	TGTH4	68-69	2	13		88	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN ĐỨC NHÀ	TGTH4	60	1	7		55	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG NGOC TAN	AMD	23	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
9	LE VAN THIEN	AMD	25	1	7		60	PSV	Vietnamese
10	TRAN CAO TANG	AMD	24	1	7		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TGTH1	4	5	44	272	0	4		
2	TGTH4	3	4	28	217	0	3		
3	AMD	3	3	19	197	0	12		
TOTAL		10	12	91	686	0	19		
WEIGHT KG				91	686	0			

GRAND TOAL: 777 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 10/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 12:00
FLIGHT: 9	TO: TD3 - BK9 - TD1	CREW: XHOÀN - Dương - Toan	ETA: 13:40
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN TRỌNG ĐỨC	TD3	54	1	8		57	BASON- S	Vietnamese
2	PHẠM HUYNH CUÔNG	TD3	53	1	13		81	CODIEN	Vietnamese
3	HỒ CHIẾN THẮNG	TD3	41	1	10		58	CODIEN	Vietnamese
4	TRẦN CAO TUẤN	TD3	52	1	8		68	CODIEN	Vietnamese
5	HOÀNG HỮU TRỌNG	TD3	51	1	11		68	CODIEN	Vietnamese
6	HOÀNG ĐỨC HAI	TD3	48	1	15		68	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN ĐẠI NGHĨA	TD3	55	1	10		53	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYỄN TRUNG PHONG	TD3	42	1	13		68	CODIEN	Vietnamese
9	ĐẶNG VĂN GIANG	TD3	45	1	7		72	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN ON	TD3	43	1	10		71	THANH PH	Vietnamese
11	NGUYỄN TRƯỞNG SAN	TD3	44	1	10		57	THANH PH	Vietnamese
12	LAM VĂN VINH	TD3	46-47	2	11		63	THANH PH	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU TRUNG	TD3	49	1	7		58	THANH PH	Vietnamese
14	MAC QUANG TUAN	TD3	50	1	10		64	THANH PH	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐÌNH NGŨ	BK9	07	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
16	VÕ THÈ HẬU	BK9					78	KH-THAC	Vietnamese
17	TRẦN HỮU TRUNG	BK9	14	1	10	30	70	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN TRUNG KIẾN	BK9	09	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
19	BUI MINH HAI	BK9	08	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAN KHÁC THẮNG	BK9	10	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN QUỐC VIỆT	BK9	11	1	10		58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	14	15	143	906	0	3		
2	BK9	7	6	46	471	30	5		
3	TD1	0	0	0	0	10	13		
TOTAL		21	21	189	1.377	40	21		
WEIGHT KG				189	1.377	40			

GRAND TOAL: 1.606 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN




LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: D/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/03/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	ĐI			VỀ			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CNV+PPD+CTC1	7:25	7+15+0	0+0+0		7+9+6	0+0+0	
2		RP3+P4	7:25	8+14	0+0		6+16	0+0	
3		TTC1+TD1+BK16	7:25	0+18+0	0+0+0		0+20+1	0+0+0	chuyen 4 ttc1-td1
4		TD5+RP3	9:25	6+16	0+0		0+20	0+0	
5		BK10+P10+P4	9:25	20+1+0	0+0+0		18+0+4	0+0+0	
6		TD1+P8+PPD	9:25	9+0+11	0+0+0		0+0+22	0+0+0	chuyen 2 td1-p8

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/03/2023	TO: CNV - PPD - CTC1	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: TTrung - N.ANH - Huy	ETA: 09:20
XANH-1			

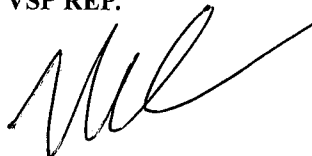
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG ĐỨC HẠNH	CNV	45	1	4		64	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐÌNH VĂN SƠN	CNV	51	1	4		78	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐỖ MINH TOÀN	CNV	49-50	2	15		109	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐẶNG QUANG HUY	CNV	46	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
5	PHÙNG VĂN KHANH	CNV	44	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
6	VŨ QUANG HẢI	CNV	47	1	20		75	KH-THAC	Vietnamese
7	VÕ THANH NHẬT	CNV	48	1	7		77	PSV	Vietnamese
8	TRẦN ĐỨC QUANG	PPD	96	1	2		70	KHI	Vietnamese
9	OKOVANTSEV GENNADY	PPD	95	1	13		115	KHI	Russian
10	NGUYỄN VĂN NAM	PPD	92	1	6		75	KHI	Vietnamese
11	VÕ VĂN QUYÊN	PPD	87	1	2		70	KHI	Vietnamese
12	TRẦN SƠN TOÀN	PPD	94	1	4		74	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC LAM	PPD	91	1	5		75	KHI	Vietnamese
14	ĐỖ VĂN TUẤN	PPD	90	1	2		69	KHI	Vietnamese
15	TRẦN HUYNH ANH PHONG	PPD	89	1	3		72	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN THẾ HÙNG	PPD	97	1	4	70	71	KHI	Vietnamese
17	NGÔ SỸ THANH	PPD	79	1	5		89	KHI	Vietnamese
18	TRẦN QUỐC HÙNG	PPD	84	1	2		61	KHI	Vietnamese
19	TRỊNH VĂN CƯỜNG	PPD	85	1	4		69	KHI	Vietnamese
20	TRƯƠNG HẢI HÀ	PPD	86	1	4		72	KHI	Vietnamese
21	BUI NGỌC HƯƠNG	PPD	93	1	6		65	KHI	Vietnamese
22	LÊ TRUNG LÂN	PPD	88	1	5		79	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

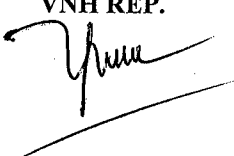
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CNV	7	8	67	548	0	7		
2	PPD	15	15	67	1.126	70	9		
3	CTC1	0	0	0	0	40	6		
TOTAL		22	23	134	1.674	110	22		
WEIGHT KG				134	1.674	110			

GRAND TOAL: 1.918 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/03/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: RP3 - P4	CREW: CHIÊN - ĐNam - PTUÂN	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	DUBOV A.V.	RP3	21	1	6		99	KH-THAC	Russian
2	KHARITONOV YURY	RP3	20	1	7		77	KHI	Russian
3	NGUYỄN TRỌNG TUÂN	RP3					80	KHI	Vietnamese
4	PHẠM NGỌC HÙNG	RP3	16	1	6		83	KHI	Vietnamese
5	HÀ VĂN THUY	RP3	18	1	5		70	KHI	Vietnamese
6	PHẠM VĂN KÝ	RP3	19	1	4		66	KHI	Vietnamese
7	HOÀNG VĂN HAI	RP3	13-14	2	19		67	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN CƯ	RP3	17	1	5		57	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN NAM	P4					67	KHI	Vietnamese
10	ZAGUDAEV VITALI	P4	87	1	3		77	KHI	Russian
11	LÊ VĂN HOÀN	P4	88	1	3		68	KHI	Vietnamese
12	LÊ VĂN MẠNH	P4	79-81	3	10	35	57	KHI	Vietnamese
13	OVCHRENKO A.H	P4	91	1	5		84	KHI	Russian
14	NGUYỄN HỒNG PHÚC	P4	84	1	3		74	KHI	Vietnamese
15	PHẠM QUỐC DUY	P4	85	1	4		60	KHI	Vietnamese
16	VŨ ĐÌNH CƯỜNG	P4	76	1	5		70	KHI	Vietnamese
17	TRẦN VĂN PHÚC	P4					70	KHI	Vietnamese
18	DƯƠNG ĐÌNH HIẾN	P4	82-83	2	8		64	KHI	Vietnamese
19	LÊ QUANG VINH	P4	75	1	4		69	KHI	Vietnamese
20	ĐOÀN VĂN TRÚC	P4	86	1	5		68	KHI	Vietnamese
21	NGÔ VĂN HIẾN	P4	77	1	7		64	PSV	Vietnamese
22	TRẦN LONG NHẬT	P4	78	1	6		54	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	8	8	52	599	0	6		
2	P4	14	15	63	946	35	16		
TOTAL		22	23	115	1.545	35	22		
WEIGHT KG				115	1.545	35			

GRAND TOAL: 1.695 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/03/2023	TO: TTC1 - TD1 - BK16	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: ĐỨC - HĐức - HTNam	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TA TRUNG DUNG	TTC1	71	1	12		92	KH-THAC	Vietnamese
2	TRAN TUAN ANH	TTC1	68	1	13		70	KH-THAC	Vietnamese
3	TRUONG HONG HAI	TTC1	69-70	2	20		80	KH-THAC	Vietnamese
4	KOMARISKIKH	TTC1	72	1	9		92	KH-THAC	Russian
5	LE TRONG LUONG	TD1	13	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN LANG	TD1	06	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
7	LE QUOC BAO	TD1	05	1	3		76	KHOAN	Vietnamese
8	ĐINH XUAN HOA	TD1	19	1	6	80	63	KHOAN	Vietnamese
9	HOANG ANH TUAN	TD1	14-15	2	9		75	KHOAN	Vietnamese
10	ĐINH VAN TRONG	TD1	03	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
11	BUI XUAN KHOA	TD1	16-18	3	16		67	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN ĐANG LAM	TD1	07	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
13	TRAN MINH HOANG	TD1	10	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN DINH NAM	TD1	02	1	4		81	KHOAN	Vietnamese
15	REMENNIKOV FEDOR	TD1	09	1	10		93	KHOAN	Russian
16	NGUYEN THE DUNG	TD1	04	1	3		63		Vietnamese
17	KIEU TUAN ANH	TD1	21	1	10		72	DK	Vietnamese
18	HOANG XUAN THI	TD1	08	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
19	TRAN ĐUC DAT	TD1	11	1	3		65	CODIEN	Vietnamese
20	VU MANH DIEP	TD1	20	1	8		75	CODIEN	Vietnamese
21	LUU QUANG DAT	TD1	12	1	10		70	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	4	5	54	334	0	0+4		CHUYEN 04 PAX TU TTC1 SANG TD1
2	TD1	17	20	111	1.221	80	20		
3	BK16	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		21	25	165	1.555	80	21		
WEIGHT KG				165	1.555	80			

GRAND TOAL: 1.800 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/03/2023	TO: TD5 - RP3	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: TTrung - N.ANH - Huy	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TELESHENKO IVAN	TD5	47	1	20		115	KHOAN	Russian
2	ĐOÀN VĂN MUỘI	TD5	48	1	13		61	KHOAN	Vietnamese
3	TRẦN TRỌNG TIỀN	TD5	49	1	14		80	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG HUE	TD5	50	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC VIỆT	TD5	51	1	10		52	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM THANH TÙNG	TD5	52	1	11		95	KHOAN	Vietnamese
7	PHẠM QUỐC KHANH	RP3	71	1	5		84	KHI	Vietnamese
8	VÕ ĐÓN LONG	RP3	73	1	7		74	KHI	Vietnamese
9	PHẠM MINH TOÀN	RP3	80-81	2	15		58	YTE	Vietnamese
10	NGUYỄN QUANG NAM	RP3	74	1	4		65	KHI	Vietnamese
11	TÀ PHI KHÁNH	RP3	72	1	2		70	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TƯỜNG	RP3	70	1	7		75	KHI	Vietnamese
13	TRẦN VIỆT CƯỜNG	RP3	82-83	2	7		71	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU ĐIỀN	RP3	84	1	10		62	KHI	Vietnamese
15	LÊ THANH SƠN	RP3	03	1	6		60	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN QUỐC	RP3	87-88	2	14		72	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN HIỆU	RP3	76-77	2	20		71	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI	RP3	69,12	2	20	22	77	XAYLAP	Vietnamese
19	TRẦN NAM ĐẠI	RP3	85-86	2	12		62	XAYLAP	Vietnamese
20	NINH TRUNG LƯƠNG	RP3	78-79	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN CÔNG	RP3	01-02,900	3	16		70	XAYLAP	Vietnamese
22	PHẠM VĂN VIỆT	RP3	75	1	5		64	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	6	6	78	463	0	0		
2	RP3	16	25	165	1.100	22	20		
TOTAL		22	31	243	1.563	22	20		
WEIGHT KG				243	1.563	22			

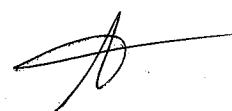
GRAND TOAL: 1.828 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN







FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/03/2023	TO: BK10 - P10 - P5	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:55
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: CHIẾN - ĐNam - PTUẤN	ETA: 11:45
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VLASOV ALEKSANDR	BK10	77	1	7		90	KHOAN	Russian
2	BUI ĐỨC LUÂN	BK10	76	1	4		79	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYEN VAN TRUNG	BK10	78	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
4	VU THE NANG	BK10	69	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN TUONG LONG	BK10	75	1	4	115	76	KHOAN	Vietnamese
6	ĐẶNG KIM DUƠNG	BK10	74	1	3		78	KHOAN	Vietnamese
7	VU VAN LONG	BK10	68	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ VĂN LÝ	BK10	73	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN ĐẶC KIM	BK10	80	1	7		64	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN TRUNG CUƠNG	BK10	79	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
11	PHẠM NAM HAI	BK10	71-72	2	9		77	KHOAN	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN QUANG	BK10	85-86	2	13		79	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM TIẾN VINH	BK10	70	1	15		81	KHOAN	Vietnamese
14	ĐẶNG MINH TUẤN	BK10	81	1	14		81	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ THANH THAI	BK10	88	1	19		100	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN MINH TIẾN	BK10	82	1	12		91	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN ANH QUANG	BK10	83	1	13		82	CODIEN	Vietnamese
18	NGUYEN QUỐC QUAN	BK10	84	1	12		74	CODIEN	Vietnamese
19	LÀ QUY DANH	BK10	87	1	10		63	DVL	Vietnamese
20	ĐỖ TRỌNG HIỆN	BK10	89-90	2	14		69	DVL	Vietnamese
21	NGUYEN THE HÔI	P10	51	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
22	LE XUAN TINH	P5	81-82	2	20	15	73	D-SONG	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	20	23	180	1.527	115	18		
2	P10	1	1	6	63	0	0		
3	P5	1	2	20	73	15	4		
TOTAL		22	26	206	1.663	130	22		
WEIGHT KG				206	1.663	130			

GRAND TOAL: 1.999 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/03/2023	TO: TD1 - P8 - PPD	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: ĐỨC - HĐức - HTNam	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HA QUANG HUY	TD1	31	1	8		72	CODIEN	Vietnamese
2	TRẦN DUY TIEN	TD1	32-33	2	15		72	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM NGỌC DINH	TD1	38-39	2	18		85	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN SANG	TD1	34-35	2	19	12	76	XAYLAP	Vietnamese
5	BUI CÔNG THANH	TD1	36-37	2	18		80	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN QUANG UT	TD1	25-26	2	16		70	SCHLUMBE	Vietnamese
7	NGUYỄN THẾ TRẠ	TD1	29-30	2	16		65	SCHLUMBE	Vietnamese
8	TRẦN ĐỨC THỊNH	TD1	27-28	2	18		78	SCHLUMBE	Vietnamese
9	TRAN HUYNH LAM	TD1	24	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
10	LE THANH TRUNG	PPD	76	1	5		66	KHI	Vietnamese
11	PHẠM HOÀNG NGUYỄN	PPD	72	1	5		63	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN ANH TÚ	PPD	77	1	10		76	KHI	Vietnamese
13	LUƠNG MẠNH DƯƠNG	PPD	75	1	7		61	KHI	Vietnamese
14	ĐOÀN MẠNH TOÀN	PPD	71	1	3		86	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC KHUYẾN	PPD	78	1	4		75	KHI	Vietnamese
16	ĐOÀN VIỆT ĐIỆP	PPD	73-74	2	6		61	KHI	Vietnamese
17	ĐỖ VĂN THUY	PPD	69-70	2	18		77	KHI	Vietnamese
18	ĐỖ TRUNG THÔNG	PPD	63-64	2	11		67	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN TRƯỞNG	PPD	67-68	2	13		60	KHI	Vietnamese
20	TRẦN PHƯƠNG THIÊN	PPD	65-66	2	11		72	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	9	16	135	673	12	0	2	CHUYEN 2 PAX TD1-P8
2	P8	0	0	0	0	0	0		
3	PPD	11	16	93	764	0	22		
TOTAL		20	32	228	1.437	12	22		
WEIGHT KG				228	1.437	12			

GRAND TOAL: 1.677 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN